

Bản án số: 61/2017/HNGĐ-ST

Ngày 22-8-2017

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAM LÂM- TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm Phán - Chủ tọa phiên tòa : Ông Trần Văn Phi

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Quý Hùng

Bà Nguyễn Thị Bội Hoàn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hoa Kim Cúc - Thư ký tòa án của Tòa án nhân dân huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 22/8/2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cam Lâm xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 41/2017/TLST- HNGĐ ngày 21/3/2017 về việc: “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 64/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 10/7/2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị T, sinh năm 1988; nơi cư trú: tổ dân phố T, xã N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa. (có mặt)

2. *Bị đơn:* Anh Trần Đăng T, sinh năm 1985; nơi cư trú: thôn L, xã C, huyện C, tỉnh Khánh Hòa. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 06/3/2017 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị T trình bày:

Về yêu cầu ly hôn: Chị Trần Thị T và anh Trần Đăng T tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2012, đăng ký kết hôn tại Ủy Ban nhân dân (UBND) xã Cam Hòa, huyện Cam Lâm, được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 13, quyền số 01, ngày 21/02/2012.

Trong quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm nên thường xuyên kình cãi. Anh Đăng T đi nhậu về đánh đập, có lời lẽ xúc phạm chị T. Từ tháng 06/2016 vợ chồng đã sống ly thân, chị T đã về xã Ninh Đa, thị xã Ninh Hòa sống với cha mẹ ruột.

Nay chị T nhận thấy tình cảm không còn, không muốn tiếp tục chung sống với anh Đăng T nên yêu cầu giải quyết cho ly hôn.

Về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con: Chị T và anh Đăng T có 01 con chung là cháu Trần Đăng K, sinh ngày 06/3/2013. Sau khi ly hôn chị T yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu anh Đăng T cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản khi ly hôn: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Trần Đăng T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Đăng T và chị Trần Thị T tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2012, đăng ký kết hôn tại UBND xã Cam Hòa đúng như chị T trình bày.

Trong quá trình chung sống với nhau vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do con dâu và mẹ chồng không hòa thuận nên vợ chồng có vài lần kinh cãi. Trong những lần kinh cãi do nóng giận anh Đăng T có đánh chị T nhưng sự việc không có gì nghiêm trọng. Từ tháng 6 năm 2016 chị T đã tự ý bỏ về nhà cha mẹ ruột để sống cho đến nay, anh Đăng T đã đến gặp và khuyên chị T về chung sống nhưng chị T không nói gì.

Anh Đăng T vẫn còn tình cảm, còn thương vợ nhưng do chị T cương quyết ly hôn nên anh Đăng T đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh Đăng T và chị T có 01 con chung là cháu Trần Đăng K, sinh ngày 06/3/2013, anh Đăng T đồng ý để chị T trực tiếp nuôi dưỡng con chung, tạm thời anh Đăng T không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản: Anh Trần Đăng T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Ý kiến của Kiểm sát viên: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bị đơn ông Trần Đăng T đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại các phiên tòa ngày 03 tháng 8 năm 2017 và ngày 22 tháng 8 năm 2017, căn cứ điểm b, khoản 2, Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về yêu cầu ly hôn: Chị Trần Thị T và anh Trần Đăng T tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2012, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Cam Hòa, được cấp giấy chứng nhận kết hôn theo quyển 01, số 13 ngày 21/02/2012 nên quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình chung sống với nhau do bất đồng về quan điểm sống nên vợ chồng thường xuyên kinh cãi, vợ chồng không còn tôn trọng nhau. Anh Đăng T đã nhiều lần đánh đập chị T. Từ tháng 6 năm 2016 chị T đã về nhà cha mẹ ruột để sống, vợ chồng không còn quan tâm tới nhau. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân của chị T và anh Đăng T là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T.

[3] Về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con: Chị T và anh Đăng T có 01 con chung là Trần Đăng K, sinh ngày 06/3/2013. Xét thấy con chung còn nhỏ nên cần sự chăm sóc của người mẹ, vì vậy giao con chung cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị T không yêu cầu anh Đăng T cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về chia tài sản chung khi ly hôn: Chị Trần Thị T không yêu cầu nên không xét, các bên có quyền khởi kiện bằng vụ án khác khi có yêu cầu.

[5] Về án phí: Chị T phải chịu án phí sơ thẩm về Hôn nhân và gia đình.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 57, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm b, khoản 2, Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị T được ly hôn anh Trần Đăng T.

2. Về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con: Giao cháu Trần Đăng K, sinh ngày 06/3/2013 cho chị Trần Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, chị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, vì lợi ích của con khi cần thiết các bên có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con. Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

3. Về chia tài sản khi ly hôn: Chị Trần Thị T và anh Trần Đăng T được quyền khởi kiện vụ án khác khi có yêu cầu.

4. Về án phí: Chị Trần Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm về Hôn nhân và gia đình nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2012/0002654 ngày 21/3/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cam Lâm, chị T đã nộp đủ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

5. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa, được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hoà;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND huyện Cam Lâm;
- Chi Cục THADS huyện Cam Lâm;
- UBND xã Cam Hòa;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu án văn, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Trần Văn Phi